

Bản án số: 241/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Quốc Việt;

2. Ông Huỳnh Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 279/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1997; cư trú: Tổ 09, ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1993, cư trú: Tổ 02, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà M có mặt; ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Trần Thị M trình bày: Bà và ông Dương Văn P tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 26/9/2016. Ông P chỉ lo ăn chơi, không chăm lo cho cuộc sống gia đình,

bà và ông P thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Bà và ông P đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng đứng ra hàn gắn nhưng không được. Nay, bà xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Huệ A, sinh ngày 20/4/2017, hiện cháu A đang do ông P nuôi dạy. Khi ly hôn, bà đồng ý để cho ông P tiếp tục nuôi dạy con chung và xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông P theo quy định nhưng ông P vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà M và ông P để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Dương Văn P thì xác định hiện ông P vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/5/2020 được bà Trần Thị B cho biết: Bà là chị dâu của ông P, bà M là vợ của ông P. Hiện nay, ông P đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Hiện nay bà M, ông P đã không còn sống chung do hai người thường xuyên cãi nhau. Theo bà thì khả năng hàn gắn của bà M và ông P là rất khó. Bà M và ông P có 01 con chung hiện nay do ông P đang nuôi dạy.

Tại phiên tòa, bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng để khi cháu Dương Huệ A trưởng thành và sống tự lập, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án. Riêng ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Dương Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P tự tìm hiểu yêu thương, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 26/9/2016 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà M và ông P đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà M và ông P phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị B (chị dâu của ông P), theo bà B thì khả năng hàn gắn của bà M và ông P là không thể. Xét thấy mâu thuẫn của bà M và ông P không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà M theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà M và ông P có 01 con chung tên Dương Huệ A, sinh ngày 20/4/2017, hiện con chung đang do ông P nuôi dạy. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông P tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì cháu A do ông P nuôi dạy, bà M đồng ý để ông P tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho P tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con. Tại phiên tòa, bà M đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành và sống tự lập là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị M.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị M được ly hôn với ông Dương Văn P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Dương Văn P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Dương Huệ A, sinh ngày 20/4/2017.

Công nhận sự tự nguyện của bà M cấp dưỡng nuôi cháu An mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu A đủ 18 tuổi và sống tự lập. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (03/7/2020).

Ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011748 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, bà M phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/7/2020), bà M được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông P được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc